

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG

CHỈ THỊ số 55-CT ngày 17-3-1982 về việc đẩy mạnh khai thác than địa phương.

Trong các năm qua, với sự giúp đỡ của Bộ Mỏ và than, các tỉnh Hải Hưng, Hà Bắc, Hà Sơn Bình, Hoàng Liên Sơn, Quảng Nam — Đà Nẵng... đã có nhiều cố gắng duy trì và phát triển sản xuất than đáp ứng được một phần nhu cầu của địa phương. Số mỏ than địa phương từ 5 mỏ với tổng sản lượng 50 ngàn tấn (năm 1975), tăng lên 20 mỏ với tổng sản lượng 150 ngàn tấn (năm 1980). Tuy vậy than địa phương vẫn chưa được khai thác tương xứng với tiềm năng và hiệu quả của nó. Nguyên nhân chủ yếu là do chưa có chính sách khuyến khích phù hợp, chưa có chủ trương đầu tư và trang bị kỹ thuật thỏa đáng, việc quản lý theo ngành chưa đi vào nề nếp.

Trong kế hoạch 5 năm 1981 — 1985, nhu cầu than trong nước và xuất khẩu ngày càng tăng, trong khi đó việc phát triển khai thác than trung ương cũng như việc vận chuyển than cho các địa phương còn gặp nhiều khó khăn. Để tăng thêm nguồn than địa phương phục vụ sản xuất và đời sống, Chủ tịch Hội đồng bộ trưởng chỉ thị:

1. Các tỉnh phải tận dụng lao động tại chỗ và điều kiện sẵn có của địa phương đẩy mạnh việc khai thác than trên cơ sở thủ công kết hợp một phần cơ giới, đặc biệt chú trọng việc khai thác than bùn và than nâu, cụ thể là:

a) Đối với các mỏ than sẵn có phải có biện pháp khôi phục, và tăng sản lượng khai thác để đạt công suất thiết kế hoặc năng lực khai thác tối đa.

b) Đối với những điểm than chưa khai thác, nếu có đủ điều kiện khai thác phải chủ động bố trí kế hoạch đầu tư xây dựng để tổ chức khai thác. Đối với những điểm than chưa đủ điều kiện khai thác phải có

kế hoạch thăm dò, lập báo cáo kinh tế kỹ thuật để bố trí kế hoạch đầu tư xây dựng mỏ và đưa vào thiết kế khai thác.

Ở các tỉnh có nhiều điểm than chưa khai thác mà tỉnh không đủ lực lượng để tổ chức khai thác được hết thì Bộ Mỏ và than cùng Ủy ban Kế hoạch Nhà nước bàn với tỉnh có mỏ giao cho các tỉnh lân cận đưa lực lượng đến tổ chức khai thác.

2. Các ngành ở trung ương tùy theo chức năng có nhiệm vụ giúp đỡ các địa phương trong việc khai thác than địa phương.

— Ủy ban Kế hoạch Nhà nước hàng năm cân đối vốn đầu tư, thiết bị, vật tư (gồm cả vật tư chuyên dùng) cấp thẳng cho tỉnh theo đề nghị của Bộ Mỏ và than. Các tỉnh có nhiệm vụ thực hiện có hiệu quả số vốn, vật tư dành cho than địa phương.

— Bộ Mỏ và than thực hiện quản lý ngành đối với than địa phương; đôn đốc, chỉ đạo và giúp đỡ các tỉnh tổ chức khai thác than, giúp các tỉnh khảo sát, thiết kế, lập phương án đầu tư, trang bị kỹ thuật, hướng dẫn chế biến, tiêu thụ, đào tạo công nhân kỹ thuật, mua sắm thiết bị chuyên dùng, đồng thời kiểm tra theo dõi việc thực hiện kế hoạch đầu tư về than địa phương đã bố trí cho tỉnh.

— Tổng cục Địa chất có trách nhiệm thăm dò bổ sung các điểm than mới được điều tra sơ bộ để sớm xác định trữ lượng đưa vào khai thác, chú trọng tìm kiếm, thăm dò thêm các điểm than mới ở Trung bộ và Nam bộ.

— Bộ Tài chính, Ủy ban Vật giá Nhà nước có trách nhiệm giải quyết các vấn đề về vốn, giá cả trên tinh thần khuyến khích khai thác than địa phương.

— Ủy ban Khoa học và kỹ thuật Nhà nước có trách nhiệm xem xét bảo vệ môi trường để việc khai thác than bùn ở các địa phương không ảnh hưởng đến nông và lâm sinh.

3. Để khuyến khích khai thác than địa phương, Chủ tịch Hội đồng bộ trưởng cho phép các tỉnh được ưu tiên sử dụng toàn

bộ số than địa phương sản xuất được (kể cả than khai thác được ở tỉnh khác) để phục vụ cho sự nghiệp phát triển kinh tế, văn hóa của địa phương; trường hợp địa phương sử dụng không hết mới đưa vào kế hoạch cung ứng cho các nhu cầu của trung ương và các địa phương.

Nếu than địa phương sản xuất được đủ tiêu chuẩn xuất khẩu thì địa phương được nhờ Bộ Mỏ và than xuất khẩu một phần số than đó để lấy ngoại tệ. Từ đầu năm, các tỉnh cần đăng ký trước với Bộ Mỏ và than và Ủy ban Kế hoạch Nhà nước số than sẽ xuất khẩu.

Số ngoại tệ thu được về xuất khẩu số than nói trên sau khi nộp lệ phí xuất khẩu, địa phương được quyền sử dụng ngoại tệ theo quy định hiện hành. Đối với các tỉnh khai thác than mỡ và luyện được cốc, số than này phải đưa toàn bộ vào cân đối trong kế hoạch Nhà nước. Nhà nước sẽ mua theo giá trị nhập khẩu, trả một phần ba (1/3) bằng ngoại tệ hoặc đổi bằng than antraxit tính theo giá xuất nhập khẩu của hai loại than này.

Đối với các tỉnh có diềm than đã được đầu tư khai thác mà không khai thác, thì Bộ Mỏ và than cùng Ủy ban Kế hoạch Nhà nước sẽ trừ vào chỉ tiêu than mà Nhà nước phải cung ứng cho tỉnh số than mà tỉnh có thể khai thác được.

Bộ trưởng Bộ Mỏ và than xây dựng và ban hành thông tư hướng dẫn thực hiện chỉ thị này.

Hà Nội, ngày 17 tháng 3 năm 1982
K.T. Chủ tịch Hội đồng bộ trưởng
Phó chủ tịch
TỔ HỮU

CÁC BỘ

LIÊN BỘ

LÂM NGHIỆP - TÀI CHÍNH

QUYẾT ĐỊNH số 13-QĐ/LB ngày 26-3-1982 về việc điều chỉnh mức thu tiền nuôi rừng.

**BỘ TRƯỞNG BỘ LÂM NGHIỆP
BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH**

Căn cứ vào quyết định số 55-HĐBT ngày 20-3-1982 của Hội đồng bộ trưởng về việc giảm mức thu tiền nuôi rừng,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. — Mức thu tiền nuôi rừng (không phân biệt sản phẩm lấy ở rừng tự nhiên hay rừng trồng) quy định như sau:

TÊN SẢN PHẨM	Đơn vị tính	Mức thu tiền nuôi rừng		GHI CHÚ
		Từ Thuận Hải, Lâm Đồng trở ra phía Bắc	Từ Đồng Nai, Sông Bé, Vũng Tàu-Côn Đảo trở vào phía Nam	
1. Gỗ tròn:	m ³	Bình quân 180 đ		
- Nhóm 1	-	1 190	1 210	
- Nhóm 2	-	870	890	
- Nhóm 3	-	570	590	
- Nhóm 4	-	320	340	
- Nhóm 5	-	160	180	
- Nhóm 6	-	80	100	
- Nhóm 7	-	40	60	
- Nhóm 8	-	20	30	